

LỰA CHỌN CÁC CHỈ TIÊU ĐẶC TRƯNG VÀ XÁC ĐỊNH PHƯƠNG PHÁP TÍNH CHỈ SỐ TỔNG HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ

TÀNG VĂN KHIÊN*

1. Lựa chọn chỉ tiêu chủ yếu đặc trưng phát triển kinh tế

Để đặc trưng cho mức độ phát triển kinh tế của một quốc gia, một địa phương, hay một khu vực, trên góc độ kết quả và hiệu quả đạt được, khoa học thống kê dùng nhiều chỉ tiêu khác nhau, được biểu hiện qua số tuyệt đối, số tương đối, và số bình quân. Các chỉ tiêu về số tuyệt đối như giá trị sản xuất, tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng sản phẩm từng tỉnh (đối với từng tỉnh, thành phố - GRP) (thường chỉ được dùng thống nhất là GDP), giá trị tăng thêm (VA), tổng sản phẩm quốc gia, doanh thu tiêu thụ sản phẩm, trị giá xuất khẩu, tổng thu ngân sách,... Chỉ tiêu thể hiện số tương đối và số bình quân bao gồm tốc độ tăng trưởng GDP, VA, năng suất lao động, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR), năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP), tỷ lệ giá trị xuất khẩu so với giá trị sản xuất hoặc so với GDP, tỷ lệ thu ngân sách so với GDP và GDP bình quân đầu người,...

Mỗi chỉ tiêu trên đây phản ánh được một hoặc một số mặt nào đó của phát triển kinh tế. Việc đánh giá phát triển kinh tế nên dựa vào kết quả thực hiện nhiều chỉ tiêu sẽ đánh giá được nhiều mặt khác nhau của phát triển kinh tế. Tuy vậy, nếu căn cứ vào quá nhiều chỉ tiêu thì việc phân tích, đánh giá sẽ trở nên phức tạp; việc nhận định, đánh giá

có thể sẽ phân tán, rời rạc; nhiều khi còn bị trùng lặp vì có những chỉ tiêu khác nhau nhưng cùng biểu hiện một kết quả đạt được và phản ánh cho cùng một xu thế biến động của hiện tượng. Đó là chưa kể khâu thu thập số liệu sẽ khó khăn hơn, tính toán phức tạp hơn, làm cho độ tin cậy của số liệu sẽ kém, ảnh hưởng đến chất lượng thông tin của các chỉ tiêu nghiên cứu.

Tại Việt Nam, trong số các chỉ tiêu nói trên, chỉ nên chọn ra một số chỉ tiêu đặc trưng nhất cho phát triển kinh tế gọi là "các chỉ tiêu chủ yếu". Trong thời kỳ bao cấp kế hoạch hoá tập trung, để đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước (trước gọi là xí nghiệp nhà nước) có rất nhiều chỉ tiêu đặc trưng cho kết quả hoạt động, nhưng chỉ một số chủ yếu nhất được chọn ra để giao kế hoạch và gọi là các chỉ tiêu pháp lệnh của Nhà nước, dùng làm căn cứ để đánh giá hoàn thành kế hoạch của doanh nghiệp.

Ngày nay, có rất nhiều chỉ tiêu thống kê phản ánh về kinh tế, đời sống văn hoá, xã hội, sức khoẻ liên quan đến sự phát triển của con người. Tuy vậy, khi tính Chỉ số Phát triển con người (HDI), Chương trình phát triển của

* Tăng Văn Khiên, Phó giáo sư, Tiến sỹ kinh tế, Viện Khoa học Thống kê.

như điều kiện cụ thể của từng thời kỳ. Hơn nữa, việc lựa chọn các chỉ tiêu trên đây không có nghĩa loại trừ các chỉ tiêu khác, mà ngược lại vẫn phải nghiên cứu để đánh giá và phân tích các chỉ tiêu khác có tính chất bổ sung.

2. Phương pháp tính chỉ số chung về phát triển kinh tế

Với các chỉ tiêu chủ yếu trên đây, khi có số liệu có thể dễ dàng tính được kết quả thực hiện từng chỉ tiêu ở phạm vi toàn quốc hoặc từng tỉnh, thành phố theo từng năm hoặc bình quân cho nhiều năm. Nhờ đó, có thể nhận định đánh giá về phát triển kinh tế của cả nước hoặc từng tỉnh, thành phố trên cơ sở số liệu được tính toán riêng biệt, độc lập theo từng chỉ tiêu. Xưa nay, nghiên cứu một vấn đề gì đó mà dùng một số chỉ tiêu để đánh giá tổng kê thường làm được như vậy và tạm gọi là phương pháp truyền thống.

Tuy nhiên, khi đánh giá nếu chỉ dừng lại ở các kết quả đạt được của từng chỉ tiêu riêng biệt như phương pháp đánh giá truyền thống thì chưa thể có được kết luận một cách tổng quát thông qua kết quả cụ thể đạt được, nhất là khi cần thiết phải đánh giá, so sánh xếp hạng giữa các chủ thể khác nhau trong cùng một thời gian hoặc so sánh kết quả đạt được của một chủ thể nhưng ở các thời gian khác nhau và đặc biệt khi áp dụng các mô hình toán học sẽ gặp khó nhiều khó khăn.

Ví dụ, chúng ta có số liệu về kết quả thực hiện 4 chỉ tiêu phát triển kinh tế¹ (GDP bình quân đầu người, Tốc độ phát triển theo GDP, Tỷ lệ Xuất khẩu so với Giá trị sản xuất theo giá thực tế và Tỷ lệ Thu ngân sách so với GDP tính theo giá thực tế) của 34 tỉnh, thành phố bình quân 5 năm (2001-2005) như Bảng 1.

Bảng 1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu bình quân 5 năm (2001-2005) của các tỉnh, thành phố²

Chỉ tiêu	GDP bình quân đầu người		Tốc độ phát triển theo GDP		Tỷ lệ Xuất khẩu/GO (%)		Tỷ lệ Thu ngân sách/GDP	
Tỉnh, thành phố	Mức độ (1000đ/ người)	Thứ hạng	Mức độ (%)	Thứ hạng	Mức độ (%)	Thứ hạng	Mức độ (%)	Thứ hạng
A	1	2	3	4	5	6	7	8
Tỉnh 01	17.412	1	111,30	12	22,17	8	43,16	1
Tỉnh 02	3.374	33	108,92	29	1,10	34	6,08	34
Tỉnh 03	3.364	34	109,52	23	2,78	33	8,56	28
Tỉnh 04	4.336	22	109,05	25	3,73	30	10,68	18
Tỉnh 05	4.488	19	110,04	18	23,11	6	23,11	8
Tỉnh 06	8.661	7	112,92	6	27,40	3	34,51	3
Tỉnh 07	3.483	32	108,35	32	6,71	21	7,36	31
Tỉnh 08	4.107	24	109,79	21	10,90	13	10,76	17
Tỉnh 09	5.924	12	115,44	2	7,54	19	28,70	5
Tỉnh 10	6.017	11	113,88	4	6,41	22	10,43	20
Tỉnh 11	4.354	21	109,83	20	4,90	26	8,49	29
Tỉnh 12	5.859	14	110,88	15	5,90	25	14,46	12
Tỉnh 13	9.284	5	111,02	14	22,18	7	39,05	2
Tỉnh 14	5.592	15	112,27	9	13,02	10	12,01	13

Chỉ tiêu	GDP bình quân đầu người		Tốc độ phát triển theo GDP		Tỷ lệ Xuất khẩu/GO (%)		Tỷ lệ Thu ngân sách/GDP	
Tỉnh, thành phố	Mức độ (1000đ/ người)	Thứ hạng	Mức độ (%)	Thứ hạng	Mức độ (%)	Thứ hạng	Mức độ (%)	Thứ hạng
A	1	2	3	4	5	6	7	8
Tỉnh 15	4.405	20	107,24	34	7,72	18	11,90	14
Tỉnh 16	4.059	26	109,12	24	7,78	17	10,55	19
Tỉnh 17	4.028	27	107,29	33	9,16	14	7,03	33
Tỉnh 18	3.754	30	111,86	10	3,30	31	10,31	22
Tỉnh 19	3.921	28	109,03	26	3,79	29	10,33	21
Tỉnh 20	4.232	23	110,20	17	3,93	28	9,65	23
Tỉnh 21	4.995	16	108,64	31	6,15	24	9,34	25
Tỉnh 22	4.069	25	108,85	30	4,64	27	15,32	11
Tỉnh 23	4.751	17	109,58	22	6,22	23	15,73	10
Tỉnh 24	10.951	3	112,90	7	25,52	5	33,85	4
Tỉnh 25	3.753	31	109,86	19	3,09	32	10,82	16
Tỉnh 26	4.542	18	110,71	16	8,02	16	9,64	24
Tỉnh 27	3.891	29	111,56	11	7,45	20	11,64	15
Tỉnh 28	12.011	2	115,33	3	51,70	1	27,28	6
Tỉnh 29	10.201	4	112,86	8	41,76	2	24,83	7
Tỉnh 30	5.871	13	109,00	27	8,23	15	8,80	27
Tỉnh 31	6.473	10	108,94	28	11,55	12	9,14	26
Tỉnh 32	8.921	6	113,55	5	18,91	9	18,58	9
Tỉnh 33	7.323	9	115,66	1	11,56	11	8,09	30
Tỉnh 34	7.466	8	111,24	13	27,22	4	7,18	32

Các số liệu trên cho thấy:

- Nếu căn cứ chỉ tiêu “GDP bình quân đầu người” để đánh giá thì tỉnh 01, tỉnh 28 và tỉnh 24 đạt ở mức đứng vị trí thứ nhất, nhì và ba; còn tỉnh 02 và tỉnh 03 đạt ở mức đứng vị trí sát cuối và cuối.

- Nếu căn cứ vào chỉ tiêu “Tốc độ tăng trưởng GDP” để đánh giá thì tỉnh 33, tỉnh 09 và tỉnh 28 đạt ở mức đứng vị trí thứ nhất, nhì và ba, còn tỉnh 17 và tỉnh 15 đạt ở mức đứng vị trí sát cuối và cuối.

- Nếu căn cứ vào chỉ tiêu “Tỷ lệ Xuất khẩu/GO” để đánh giá thì tỉnh 28, tỉnh 29 và tỉnh 06 đạt ở mức đứng vị trí thứ nhất, nhì

và ba, còn tỉnh 03 và tỉnh 02 đạt ở mức đứng vị trí sát cuối và cuối.

- Nếu căn cứ vào chỉ tiêu “Tỷ lệ Thu ngân sách/GDP” để đánh giá thì tỉnh 01, tỉnh 13 và tỉnh 06 đạt mức ở vị trí thứ nhất, nhì và ba; còn tỉnh 17 và tỉnh 02 đạt ở mức đứng vị trí sát cuối và cuối.

Rõ ràng là, muốn đánh giá kết hợp chung cả 4 chỉ tiêu trên để so sánh, xếp hạng 34 tỉnh, thành phố nói trên theo thứ tự về trình độ phát triển kinh tế một cách cụ thể cũng như có được căn cứ để nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố khác đến phát triển kinh tế theo phương pháp tương quan hồi quy hoặc

một số phương pháp thống kê khác thì với kết quả như Bảng 1 là chưa thể thực hiện được.

Như vậy, một yêu cầu tiếp theo đặt ra là phải tìm được một thước đo chung cho phép tổng hợp các kết quả thực hiện 4 chỉ tiêu về 1 chỉ tiêu. Có thể thực hiện yêu cầu đó bằng cách tính các chỉ số tương ứng với từng chỉ tiêu riêng biệt rồi tính bình quân để được chỉ số tổng hợp chung.

2.1. Tính các chỉ số riêng biệt

Theo tài liệu hướng dẫn của các tổ chức thống kê của Liên Hiệp Quốc, có 2 cách tính các chỉ số cho từng chỉ tiêu riêng biệt.

Tính từ các mức độ hiện có:

$$I = \frac{\text{Giá trị thực tế} - \text{Giá trị tối thiểu}}{\text{Giá trị tối đa} - \text{Giá trị tối thiểu}} \quad (1)$$

Tính từ giá trị lấy log của các mức độ:

$$I = \frac{\log(\text{giá trị thực tế}) - \log(\text{giá trị tối thiểu})}{\log(\text{giá trị tối đa}) - \log(\text{giá trị tối thiểu})} \quad (2)$$

Để áp dụng được phương pháp tính các chỉ số trên, trước hết phải xác định được giá trị tối đa (max) và giá trị tối thiểu (min) cho mỗi chỉ tiêu nghiên cứu, sau đó lựa chọn công thức tính cụ thể cho thích hợp

a. Xác định các giá trị tối đa và tối thiểu

Việc xác định giá trị tối đa (max) và giá trị tối thiểu (min) là trên cơ sở số liệu thống kê thực tế của các tỉnh, thành phố trong cả nước qua các năm từ 2001 đến 2005.

+ Đối với Chỉ tiêu GDP bình quân đầu người, xác định mức tối đa và tối thiểu để tính chỉ số như sau:

- Tính số liệu GDP bình quân đầu người cho tất cả các tỉnh, thành phố trong cả nước liên tục từ năm 2001 đến 2005 (trừ tỉnh thuộc loại đặc biệt, có mức đạt được quá cao);

- Chọn GDP bình quân đầu người năm 2005 của thành phố có GDP bình quân đầu người theo giá thực tế đạt cao nhất (28.500 nghìn đồng) và dự đoán trên mức đó một ít

làm mức tối đa (max) với giá trị bằng 30.000 nghìn đồng.

- Chọn giá trị GDP bình quân đầu người theo giá thực tế của tỉnh đạt thấp nhất ở những năm về trước làm mức tối thiểu (min) với giá trị bằng 2.000 nghìn đồng.

+ Đối với Chỉ tiêu Tốc độ tăng trưởng GDP, cách xác định mức tối đa và tối thiểu như sau:

- Căn cứ vào tốc độ phát triển GDP của các tỉnh, thành phố trong 5 năm lấy mức của năm ở tỉnh đạt mức cao nhất làm mức tối đa (max). Trên thực tế, tác giả chọn tốc độ phát triển là 120% (tốc độ tăng là 20%) làm mức tối đa (max = 120%).

- Chọn 100% là tốc độ phát triển GDP hoặc 0% là tốc độ tăng làm mức tối thiểu (min). Nói chung, kinh tế luôn tăng trưởng nên kết quả sản xuất thực tế thường có tốc độ tăng trưởng > 0%; trường hợp <= 0% hiếm khi xảy ra. Nếu tốc độ phát triển = 100% (tốc độ tăng bằng 0%) nghĩa là sản xuất không tăng, còn nếu tốc độ phát triển < 100% (tức là tốc độ tăng < 0%), nghĩa là sản xuất giảm sút. Trong trường hợp tốc độ phát triển <= 100% thì chỉ số tăng trưởng tính ra sẽ nhỏ hơn 0 (<= 0%). Điều này hoàn toàn có ý nghĩa khi tính chỉ số chung về phát triển kinh tế.

+ Đối với Chỉ tiêu Tỷ lệ Xuất khẩu/GO, xác định mức tối đa và tối thiểu như sau:

Về mức tối đa: Căn cứ vào kết quả đạt được của tỉnh, thành phố ở năm đạt tỷ lệ cao nhất, sau dự đoán trên mức đó một ít làm mức tối đa, cụ thể là max = 60% (số liệu đã cho tỉnh 28 năm 2005 đạt mức cao nhất 55%).

Về mức tối thiểu: Hiện nay ở Việt Nam bên cạnh các tỉnh, thành phố có khả năng phát triển tốt hơn, mặt hàng sản xuất phong phú hơn nên có khả năng xuất khẩu lớn thì còn không ít tỉnh sản xuất còn hạn chế, hàng hoá chưa nhiều và có tỷ lệ xuất khẩu còn đạt tỷ lệ rất thấp và thậm chí có những tỉnh đạt tỷ lệ không đáng kể hoặc bằng không, nên mức tối thiểu của Tỷ lệ Xuất khẩu/GO (min) chọn là 0%.

+ Đối với Chỉ tiêu Tỷ lệ thu ngân sách / GDP: Cũng lấy mức của tỉnh ở năm đạt

cao nhất có dự đoán thêm một ít làm mức độ tối đa, tức là max bằng 50% và mức tối thiểu dưới mức của tỉnh đạt thấp nhất (4%).

Có thể hệ thống lại các giá trị tối đa (max) và tối thiểu (min) của các chỉ tiêu phát triển kinh tế qua Bảng 2.

Bảng 2. Các giá trị tối đa và tối thiểu của các chỉ tiêu nghiên cứu

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị tối đa	Giá trị tối thiểu
1	GDP bình quân đầu người	1.000 đ	30.000	2000
2	Tốc độ phát triển GDP	%	120,00	100,00
3	Tỷ lệ Xuất khẩu/GO	%	60,00	0,00
4	Tỷ lệ Thu ngân sách/GDP	%	50,00	4,00

b. Lựa chọn công thức tính toán các chỉ số riêng biệt

- Đối với Chỉ tiêu GDP bình quân đầu người, đó là chỉ tiêu luôn tăng lên và về lý thuyết là không có giới hạn, mặt khác giữa các mức độ nghiên cứu thường có sự chênh lệch đáng kể nên khi tính chỉ số "GDP bình quân đầu người" ta sẽ áp dụng công thức 2, tức là tính trên cơ sở các giá trị đã lấy logarit (khi tính các chỉ số phát triển con người, chỉ số thành phần GDP bình quân đầu người được quy định có lấy logarit).

- Đối với tốc độ phát triển GDP, về lý thuyết không có giới hạn, nhưng thực tế thường chỉ đạt đến mức độ nhất định, và nếu so sánh theo (không gian và thời gian) sự chênh lệch giữa các chủ thể thường khác nhau không nhiều lắm nên khi tính chỉ số này sẽ dựa trên các tốc độ phát triển hiện có (theo công thức 1).

- Đối với các chỉ tiêu Tỷ lệ Xuất khẩu/GO và Tỷ lệ Thu ngân sách/GDP, tuy có xu hướng tăng lên nhưng có giới hạn, không thể vượt quá 100%, nên khi tính chỉ số sẽ dựa trên các tỷ lệ hiện có (áp dụng công thức 1) (Các tài liệu tham khảo cho thấy khi tính các chỉ số riêng biệt các chỉ tiêu mà giá trị tối đa là 100%, thì đều áp dụng công thức 1 – không qua lấy log).

Từ số liệu Bảng 1 và các giá trị tối đa và tối thiểu ở Bảng 2, áp dụng công thức 1 và 2

ta tính được các chỉ số riêng biệt (chỉ số thành phần) của tỉnh 01 như sau:

- Chỉ số GDP bình quân đầu người (I_G):

$$I_G = \frac{\lg(17412) - \lg(2000)}{\lg(30000) - \lg(2000)} \quad (3)$$

$$= 0,7991 \text{ hoặc } 79,91\%$$

- Chỉ số Tăng trưởng kinh tế (I_{tg}):

$$I_{tg} = \frac{111,30 - 100,00}{120,00 - 100,00} \quad (4)$$

$$= 0,5650 \text{ hoặc } 56,50\%$$

- Chỉ số Tỷ lệ xuất khẩu/GO (I_X):

$$I_X = \frac{22,17 - 0}{60,00 - 0} = 0,3694 \text{ hoặc } 36,94\% \quad (5)$$

- Chỉ số Tỷ lệ Thu ngân sách/GDP (I_s):

$$I_s = \frac{43,16 - 4,00}{50,00 - 4,00} \quad (6)$$

$$= 0,8513 \text{ hoặc } 85,13\%$$

Bằng cách tương tự ta sẽ tính được các chỉ số riêng biệt theo các công thức trên của 33 tỉnh còn lại và hệ thống kết quả tính được ở Bảng 3.

Bảng 3. Các chỉ số riêng biệt theo số liệu bình quân 5 năm (2001-2005) của các tỉnh/thành phố

Đơn vị tính: %

Tỉnh/thành phố	Chỉ số GDP bình quân đầu người	Chỉ số tốc độ phát triển ³	Chỉ số Tỷ lệ Tri giá xuất khẩu/GO	Chỉ số Tỷ lệ Thu ngân sách/GDP
<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
Tỉnh 01	79,91	56,48	36,94	85,13
Tỉnh 02	19,31	44,59	1,84	4,52
Tỉnh 03	19,20	47,62	4,63	9,90
Tỉnh 04	28,57	45,23	6,22	14,52
Tỉnh 05	29,84	50,18	38,52	41,54
Tỉnh 06	54,12	64,59	45,67	66,33
Tỉnh 07	20,49	41,76	11,18	7,31
Tỉnh 08	26,57	48,97	18,17	14,70
Tỉnh 09	40,10	77,22	12,57	53,69
Tỉnh 10	40,67	69,41	10,68	13,99
Tỉnh 11	28,73	49,16	8,16	9,76
Tỉnh 12	39,69	54,39	9,83	22,74
Tỉnh 13	56,69	55,10	36,96	76,19
Tỉnh 14	37,96	61,35	21,69	17,42
Tỉnh 15	29,16	36,19	12,86	17,17
Tỉnh 16	26,14	45,61	12,97	14,24
Tỉnh 17	25,86	36,43	15,26	6,60
Tỉnh 18	23,26	59,32	5,51	13,72
Tỉnh 19	24,86	45,17	6,31	13,76
Tỉnh 20	27,68	51,01	6,56	12,29
Tỉnh 21	33,80	43,21	10,25	11,61
Tỉnh 22	26,22	44,27	7,73	24,61
Tỉnh 23	31,95	47,92	10,36	25,51
Tỉnh 24	62,79	64,50	42,54	64,90
Tỉnh 25	23,24	49,28	5,15	14,83
Tỉnh 26	30,29	53,56	13,37	12,26
Tỉnh 27	24,57	57,79	12,41	16,60
Tỉnh 28	66,20	76,64	86,16	50,61
Tỉnh 29	60,17	64,32	69,60	45,27
Tỉnh 30	39,76	45,02	13,71	10,43
Tỉnh 31	43,37	44,68	19,25	11,17
Tỉnh 32	55,22	67,77	31,52	31,70
Tỉnh 33	47,93	78,30	19,27	8,88
Tỉnh 34	48,64	56,21	45,36	6,91

2.2. Tính chỉ số chung về phát triển kinh tế

Khi đã có các chỉ số riêng biệt (chỉ số thành phần): Chỉ số GDP bình quân đầu người (I_G), Tăng trưởng kinh tế (I_{tg}), Tỷ lệ Xuất khẩu/GDP (I_x) và chỉ số Tỷ lệ Thu ngân sách/GDP (I_s), nếu các chỉ số này có vai trò như nhau trong việc đánh giá phát triển kinh tế thì có thể tính chỉ số chung về phát triển kinh tế (I_K) bằng phương pháp bình quân giản đơn, tức là cộng trực tiếp các chỉ số thành phần đó lại rồi chia đều cho 4:

$$I_K = \frac{I_G + I_{tg} + I_x + I_s}{4} \quad (7)$$

Tính chỉ số chung về phát triển kinh tế theo công thức 7 rất đơn giản, và có thể áp dụng một cách thuận tiện. Tuy nhiên, nên lưu ý rằng hiện nay kinh tế Việt Nam thuộc các nước đang phát triển với năng suất lao động còn thấp, hiệu quả kinh tế chưa cao, GDP bình quân đầu người còn kém xa mức trung bình của các nước trên thế giới cũng như mức trung bình của các nước Châu Á. Bởi vậy, nhiệm vụ của phát triển kinh tế phải hết sức coi trọng việc nâng cao mức GDP bình quân đầu người, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chính tăng của GDP bình quân đầu người và tăng nhanh nhịp độ tăng trưởng sẽ là cơ sở để tăng Tỷ lệ Xuất khẩu/GDP, Tỷ lệ Thu ngân sách/GDP. Chính vì vậy, trong 4 chỉ tiêu trên, chỉ số GDP bình quân đầu người và chỉ số tăng trưởng kinh tế vẫn phải được xác định là "nặng cân" hơn và phải được tính với quyền số lớn hơn 2 chỉ số còn lại chứ không thể coi cả 4 chỉ số này có vị trí ngang nhau và tính bình quân giản đơn như công thức 7 được.

Để khẳng định vấn đề này cũng như có cơ sở xác định quyền số cho mỗi chỉ số nói trên, chúng tôi đã tổ chức điều tra trưng cầu ý kiến của các chuyên gia kinh tế (bao gồm các nhà khoa học, các nhà quản lý ở các cơ quan trung

ương và một số tỉnh, thành phố; các giáo sư và phó giáo sư giảng dạy ở trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, các cán bộ nghiên cứu có nhiều kinh nghiệm trong công tác thực tế) về xác định vai trò đánh giá phát triển kinh tế của từng chỉ tiêu theo thứ bậc "nhất, nhì và ba" tương ứng với số điểm là 3, 2, 1.

Kết quả tổng hợp từ trên 60 ý kiến của phiếu điều tra cho thấy các chỉ số Tỷ lệ Xuất khẩu/GDP và Tỷ lệ Thu ngân sách/GDP có số điểm bình quân ngang nhau và thấp hơn; còn các chỉ tiêu GDP bình quân đầu người và chỉ số tăng trưởng kinh tế cũng có số điểm bình quân ngang nhau nhưng ở mức cao hơn, bằng xấp xỉ 2 lần so với điểm bình quân của hai chỉ số trên.

Qua phân tích và đặc biệt trên cơ sở số liệu điều tra trưng cầu ý kiến của các chuyên gia, có thể thiết lập được công thức tính chỉ số chung về phát triển kinh tế bằng cách tính bình quân gia quyền 4 chỉ số trên, trong đó các chỉ số Tỷ lệ Xuất khẩu/GDP và Tỷ lệ Thu ngân sách/GDP có quyền số là 1, còn chỉ số GDP bình quân bình quân đầu người và chỉ số tốc độ tăng trưởng có quyền số là 2. Công thức như sau:

$$I_K = \frac{(I_G \cdot 2) + (I_{tg} \cdot 2) + (I_x \cdot 1) + (I_s \cdot 1)}{2+2+1+1} \quad (8)$$

Theo số liệu Bảng 3 áp dụng công thức 8 tính được chỉ số chung về phát triển kinh tế cho tỉnh 01:

$$I_K = \frac{(79,91.2) + (56,48.2) + (36,94.1) + (85,13.1)}{2+2+1+1} = 65,81 (\%)$$

Bằng cách tương tự ta tính được chỉ số chung về phát triển kinh tế cho 33 tỉnh, thành phố còn lại và hệ thống kết quả ở Bảng 4.

Bảng 4: Chỉ số chung về phát triển kinh tế theo số liệu bình quân 5 năm (2001-2005) của các tỉnh, thành phố

Tỉnh/thành phố	Chỉ số (%)	Thứ bậc	Tỉnh/thành phố	Chỉ số (%)	Thứ bậc
A	I	2	A	I	2
Tỉnh 01	65,81	2	Tỉnh 18	30,73	20
Tỉnh 02	22,36	34	Tỉnh 19	26,69	30
Tỉnh 03	24,70	31	Tỉnh 20	29,37	22
Tỉnh 04	28,06	27	Tỉnh 21	29,31	23
Tỉnh 05	40,02	12	Tỉnh 22	28,89	25
Tỉnh 06	58,24	5	Tỉnh 23	32,60	16
Tỉnh 07	23,83	33	Tỉnh 24	60,34	4
Tỉnh 08	30,66	21	Tỉnh 25	27,50	28
Tỉnh 09	50,15	8	Tỉnh 26	32,22	19
Tỉnh 10	40,81	11	Tỉnh 27	32,29	17
Tỉnh 11	28,95	24	Tỉnh 28	70,41	1
Tỉnh 12	36,79	14	Tỉnh 29	60,64	3
Tỉnh 13	56,12	6	Tỉnh 30	32,28	18
Tỉnh 14	39,62	13	Tỉnh 31	34,42	15
Tỉnh 15	26,79	29	Tỉnh 32	51,53	7
Tỉnh 16	28,45	26	Tỉnh 33	46,77	9
Tỉnh 17	24,40	32	Tỉnh 34	43,66	10

Dựa theo kết quả tính toán qua số liệu Bảng 4 ta thấy trong số 34 tỉnh, thành phố nghiên cứu, tỉnh 28 có chỉ số chung về phát triển kinh tế đạt 70,41% đứng vị trí thứ nhất. Tỉnh 01 đạt 65,81% đứng vị trí thứ hai và tỉnh 29 đạt 60,64% đứng vị trí thứ ba. Tỉnh 07 có chỉ số chung về phát triển kinh tế đạt 23,83% đứng vị trí sát cuối và tỉnh 02 đạt 22,36% đứng vị trí cuối cùng. □

1. Trong 5 chỉ tiêu đặc trưng cho phát triển kinh tế, trong ví dụ không có chỉ tiêu hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR) vì số liệu thực tế thu thập được của chỉ tiêu này ở các tỉnh, thành phố còn nhiều bất cập.

- Số liệu của Bảng 1 tính từ thông tin có trong Niên giám Thống kê hàng năm của các tỉnh, thành phố và điều tra bổ sung. Theo nguyên tắc công bố số liệu, tác giả xin không chỉ rõ tên tỉnh, thành phố mà thay bằng mã hóa.
- Chỉ số riêng biệt tính trên tốc độ phát triển gọi là chỉ số tăng trưởng kinh tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Báo cáo phát triển con người 2001, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2001.
- Một số vấn đề phương pháp luận Thống kê, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, 2005.
- Niên giám Thống kê các tỉnh, thành phố các năm 2001, 2002 và 2005.